

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/DS-ST
Ngày: 28-8-2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản và vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Trường
Bà Vũ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2016/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Q, sinh năm 1969;

Trú tại: Tổ 5, khu phố V, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Lệ H

Trú tại: Tổ 8, khu phố V, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị Q trình bày:

Vào các ngày 06, 07, 12, 13, 20 và 24/7/2011 âm lịch, bà Q có giao sí cho bà Trần Thị Lệ H một số hàng hóa gồm quần áo tăng ni, quần áo phật tử, máy niệm phật và các loại xâu chuỗi với tổng số tiền mua hàng là 33.000.000 đồng. Sau đó, bà H có trả lại một số hàng tương đương số tiền 17.077.000 đồng và thay bà Q trả tiền lãi cho một người tên C với số tiền 5.923.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán thì bà H còn nợ bà Q 10.000.000 đồng.

Tiếp theo, vào các ngày 13/01/2012 và 24/4/2012 âm lịch bà Q đã 02 lần cho bà H mượn tiền với tổng số tiền 13.000.000 đồng và đã được bà H ký xác nhận. Sau đó, bà H đã 02 lần trả tiền cho bà Q với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 9.000.000 đồng.

Đối với 02 khoản tiền nợ nêu trên, mặc dù bà Q đã nhiều lần đòi bà H trả nhưng đến nay bà H vẫn không trả.

Nay, bà Q yêu cầu bà H phải trả cho bà Q toàn bộ số tiền còn nợ của 02 khoản là 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo bản tự khai, bị đơn bà Trần Thị Lệ H trình bày:

Vào năm 2011, bà Q có liên hệ với bà H để nhờ bán giùm các đồ hàng phục vụ cho việc đi chùa gồm các loại xâu chuỗi, dây đeo, máy niệm phật... Tất cả các loại hàng hóa này đã cũ vì để lâu không bán được. Đến khi bà H mang một số hàng hóa vào trả, trong đó có một số hàng quần áo bà H đi nhận giùm ở V (nhà xe T) thì bà Q có vào sổ nhận hàng của bà H và ghi nợ. Sau đó bà Q có lấy lại nhưng không trừ vào sổ nợ vì lý do bà Q để thất lạc giấy nhận lại hàng và hứa để tiền lại rồi trừ sau, nhưng từ đó cho đến nay đã qua nhiều lần trao đổi mà vẫn chưa tìm ra.

Đối với các khoản tiền mượn riêng thì bà H cho rằng có khoản đã được trả cho bà Q nhưng không vào sổ trừ nợ. Do đó bà H cũng không nhớ số tiền đã trả cho bà Q là bao nhiêu.

Nay, bà H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Ngoài ra, bà H xác nhận tất cả những chữ ký ghi ở giấy nhận nợ do bà Q cung cấp là của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ án trên thuộc loại quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Lệ H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Nội dung giải quyết:

Nhận thấy toàn bộ chứng cứ là các giấy xác nhận nợ do bà Q cung cấp, trong đó có chữ ký xác nhận của bà H thì đã được bà H thừa nhận nên không phải chứng minh.

- Đối với số tiền phát sinh trong việc mua bán tài sản:

Tại giấy xác nhận nợ ngày 15/11/2011 và giấy xác nhận nợ (không ghi ngày, tháng) thể hiện việc bà H đã lấy hàng của bà Q với tổng số tiền 33.000.000 đồng. Sau đó, bà H đã trả được cho bà Q với tổng số tiền 23.000.000 đồng, trong đó gồm 17.077.000 đồng tiền mua hàng và 5.923.000 đồng tiền lãi trả thay cho bà Q. Đồng thời bà H cũng xác nhận còn nợ lại số tiền là 10.000.000 đồng.

Xét lời khai của bà H cho rằng việc mua bán hàng hóa nêu trên đã được bà H thanh toán xong cho bà Q thông qua việc trả lại hàng thì lời khai này đã không được bà Q thừa nhận. Mặt khác, bà H cũng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh nên lời khai của bà H về sự việc nêu trên là không có cơ sở. Do đó, yêu cầu của bà Q về buộc bà H phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng còn thiếu từ việc mua hàng hóa là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Đối với số tiền phát sinh trong việc vay tài sản:

Tại các giấy xác nhận nợ ngày 13/01/2012 và ngày 14/5/2012 thể hiện việc bà Q đã 02 lần cho bà H mượn tiền với tổng số tiền là 13.000.000 đồng và bà H đã trả được cho bà Q 4.000.000 đồng. Đối với số tiền còn nợ lại đã được bà H ký xác nhận.

Xét lời khai của bà H cho rằng đối với khoản tiền nêu trên thì có khoản đã được trả xong cho bà Q nhưng lời khai này của bà H không được bà Q thừa nhận. Mặt khác, bà H cũng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh nên lời khai của bà H về sự việc nêu trên là không có cơ sở. Do đó, yêu cầu của bà Q về buộc bà H phải trả lại số tiền 9.000.000 đồng còn thiếu từ việc vay nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, buộc bà Trần Thị Lệ H phải có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Q 02 khoản tiền còn thiếu từ việc mua bán tài sản và vay tài sản là 10.000.000 đồng + 9.000.000 đồng = 19.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải nộp; bị đơn phải nộp số tiền là 19.000.000 đồng x 5% = 950.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 26, 35, 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Q.

1. Buộc bị đơn bà Trần Thị Lệ H có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Q số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả

cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Lệ H phải chịu số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho bà Đoàn Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002308 ngày 17/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa